TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 309/2018/DS-PT
Ngày: 15-11-2018
V/v tranh chấp hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Của

Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2018/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 137/2018/QĐPT-DS, ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1925 (chết ngày 16/01/2018), cư trú tại: Ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952, cư trú tại: Ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H là: Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1964, cư trú tại: Số nhà F, Quốc lộ Y, Khu phố 1, phường P3, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959, cư trú tại: Số nhà 37/7, đường HT, Phường S, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1962, cư trú tại: Ấp P1, xã T2, huyện C, tỉnh Bến Tre.

4. Ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1965, cư trú tại: Ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1968;

2. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1965;

Cùng cư trú tại: Số nhà 126, Khu phố V, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn M là: Bà Nguyễn Thị N1 (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 07/11/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn M là: Ông Đặng Ngọc P1, Luật sư của Văn phòng luật sư Đặng P1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Uỷ ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật của Uỷ ban nhân dân huyện C là: Ông Lê Quang V1 – Chức vụ: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965;

3. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1986;

4. Ông Nguyễn Văn C3, sinh năm 1984;

Cùng cư trú tại: Ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952, cư trú tại: Ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

6. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959, cư trú tại: Số nhà 37/7, đường HT, Phường S, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

7. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962, cư trú tại: Ấp P1, xã T2, huyện C, tỉnh Bến Tre.

8. Ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1965, cư trú tại: Ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị N1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Cụ Nguyễn Thị T có đứng tên quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất thuộc thửa số 71, tờ bản đố số 9 và thửa 111, tờ bản đồ số 8, cùng tọa lạc tại: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trước khi cụ T chết đã để lại di chúc định đoạt hai thửa đất nêu trên như sau:

- Thửa đất 111 thì chia cho bà H, bà L, bà Thu mỗi người nhận 300m^2, ngôi nhà tình nghĩa trên đất thì cho ông Nguyễn Văn C2 ở để thờ cúng;

- Thửa đất số 71 thì phân chia cho ông Nguyễn Văn M.

Tuy N1ên, ngày 27/5/2015 cụ T bị lừa dối lập hợp đồng tặng cho toàn bộ hai thửa đất 71, 111 cho ông M, bà N1. Cụ T có lăn tay vào hợp đồng tặng cho nhưng nội dung không có đọc lại. Sau đó bà N1, ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất nêu trên. Việc cụ T lập hợp đồng tặng cho thửa đất trên cho vợ chồng bà N1, ông M thì anh em trong gia đình hoàn toàn không biết.

Trên đất tranh chấp hiện có 01 ngôi nhà tình nghĩa của cụ T, một ngôi nhà do bà H đang quản lý sử dụng, một phần ngôi nhà của ông Nguyễn Văn C2 và một ngôi mộ của cụ T. Nay những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ T yêu cầu Tòa án hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 27/5/2015 đối với thửa đất số 111, tờ bản đồ số 8, có diện tích theo đo đạc thực tế là 1.158,2 m^2, tọa lạc tại: Ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị N1 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Phần đất đang tranh chấp là do cụ T tự nguyện tặng cho vợ chồng bà. Qúa trình lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất năm 2015 là hoàn toàn hợp pháp. Từ khi lập hợp đồng tặng cho đất cho đến nay thì vợ chồng bà chưa vào quản lý đất vì mẹ chồng bà vẫn còn ở và canh tác đất, hiện tại mẹ chồng bà đã mất. Công trình kiến trúc trên đất tranh chấp có một căn nhà tình nghĩa của cụ T, một căn nhà của bà H, một phần sân và một phần nhà của ông C2. Đối với căn nhà của bà H thì cụ T cho bà H ở trên đó đến hết đời, phía ông M (chồng bà) cũng biết và đồng ý.

Đối với yêu cầu của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn thì vợ chồng bà không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn C2. Phần đất có ngôi nhà của vợ chồng bà ở trên đất là do vợ chồng bà mua của người khác và được cấp sổ đỏ. Phần đất này vợ chồng bà mua liền ranh với đất mẹ chồng. Sau đó vợ chồng bà có cất nhà lấn sang đất của cụ T đang quản lý, sử dụng nhưng được sự cho phép và đồng ý của cụ T nên vợ chồng bà mới xây cất nhà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T3, anh Nguyễn Văn C3 trình bày:

Anh T3, anh C3 là con ruột của ông C2 thống nhất lời trình bày của ông C2 và không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Uỷ ban nhân dân huyện C trình bày:

Quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Văn M là đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định như sau:

Hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Thị T với ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N1, có số chứng thực 84, quyển số 01/2010 ngày 27/5/2015 của Uỷ ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre đối với thửa đất số 111, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.133,4m^2 (diện tích theo đo đạc thực tế là 1.158,2m^2).

(Có họa đồ hiện trạng thửa đất kèm theo).

Kiến nghị Uỷ ban nhân dân huyện C thu hồi và điều chỉnh lại theo quy định của pháp luật đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX178570 cấp ngày 11/6/2015 do ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị N1 đứng tên quyền sử dụng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/4/2018 bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị N1 kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn M đồng thời là bị đơn bà Nguyễn Thị N1 sửa đổi, bổ sung một phần yêu cầu kháng cáo, theo đó bà N1 đồng ý giao cho bà H phần diện tích (theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 04/12/2017) như sau: Phần lối đi vào nhà thuộc thửa 111-4a diện tích 16,3m^2, phần nhà tạm thửa 111-1 diện tích 12m^2, phần nhà gạch thuộc thửa 111-5 có diện tích 53,7m^2, phần hồ nước thuộc thửa 111-6 có diện tích 2,9m^2. Ngoài ra, bà N1 đồng ý giao cho ông C2 phần diện tích như sau: Phần lối đi bêtông thuộc thửa 111-4b có diện tích 72,4m^2, phần lối đi vào nhà ông C2 thuộc thửa 111-4c có diện tích 14,0m^2, phần nhà gạch thuộc thửa 111-12 có diện tích 37,7m^2, phần nhà gạch thuộc thửa 111-13 có diện tích 21,2m^2. Tuy N1ên, phía những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn không đồng ý, yêu cầu giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nên hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H:

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ T với ông M, bà N1 lập ngày 27/5/2015 xâm phạm đến quyền và lợi ích của người thứ ba, căn cứ Điều 124, Điều 126 và Điều 416 Bộ luật Dân sự phía bị đơn đã tự nguyện giao cho bà H, ông C2 phần diện tích đang quản lý, sử dụng nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét để đảm bảo quyền lợi cho người thứ ba.

Ý kiến của người người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 27/5/2015 thể hiện ý chí tự nguyện của cụ T, đồng thời trước khi lập hợp đồng tặng cho thì cụ T đã có kiểm tra sức khỏe, qua đó cụ T đủ điều kiện sức khỏe giao dịch dân sự và việc cho rằng cụ T bị lừa dối để lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông M, bà N1 là không có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà N1 đồng ý giao cho bà H, ông C2 phần đất hiện đang quản lý, sử dụng gồm phần lối đi vào nhà, diện tích nhà và hồ nước như vậy quyền lợi của bà H, ông C2 đã được đảm bảo. Do ông M, bà N1 được tặng cho quyền sử dụng đất hợp pháp, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý, sử dụng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm hủy một phần hợp đồng tặng cho đối với thửa 111 là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn về việc giao cho ông C2, bà H tại các phần đất hiện đang sử dụng trên thửa 111, tờ bản đồ số 8.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị

đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn giao cho bà H, ông C2 phần đất đang sử dụng theo họa đồ hiện trạng đo đạc ngày 04/12/2017.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 27/5/2015 có nội dung cụ Nguyễn Thị T tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất thửa 71, tờ bản đồ số 9 và thửa 111, tờ bản đồ số 8, cùng tọa lạc tại: Ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre cho ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị N1. Tại thời điểm lập hợp đồng tặng cho cụ T đã có kiểm tra sức khỏe, tại giấy khám sức khỏe ngày 26/5/2015 kết luận cụ T đủ điều kiện sức khỏe giao dịch dân sự và hợp đồng này đã được Uỷ ban nhân dân thị trấn C, huyện C chứng thực theo quy định pháp luật. Theo đó, ngày 11/6/2015 ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị N1 đã được Uỷ ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất nêu trên. Căn cứ Điều 467 Bộ luật Dân sự năm 2005 "Hợp đồng tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực hoặc phải đăng ký, nếu theo quy định của pháp luật bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu.... Hợp đồng tặng cho bất động sản có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký", Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa 111, tờ bản đồ số 8 là không phù hợp làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông M, bà N1, do đó kháng cáo của bị đơn được chấp nhận.

[2] Tuy nhiên, các bên đương sự trình bày thống nhất rằng trước khi lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông M, bà N1 thì cụ T đã cho bà H, ông C2 xây dựng nhà trên một phần thửa 111, tờ bản đồ số 8 và tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/12/2016 thì trên thửa đất tranh chấp có ngôi nhà kiên cố, nhà tạm, hồ chứa nước lối đi vào nhà của bà H cùng với lối đi vào nhà và một phần nhà của ông C2. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn tự nguyện giao cho bà H phần diện tích (theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 04/12/2017) như sau: Phần lối đi vào nhà thuộc thửa 111-4a diện tích 16,3m^2, phần nhà tạm thửa thuộc 111-1 diện tích 12m^2, phần nhà gạch thuộc thửa 111-5 có diện tích 53,7m^2, phần hồ nước thuộc thửa 111-6 có diện tích 2,9m^2. Ngoài ra, bị đơn đồng ý giao cho ông C2 phần diện tích gồm: Phần lối đi bêtông thuộc thửa 111-4b có diện tích 72,4m^2, phần lối đi vào nhà ông C2 thuộc thửa 111-4c có diện tích 14,0m^2, phần nhà gạch thuộc thửa 111-12 có diện tích 37,7m^2, phần nhà gạch thuộc thửa 111-13 có diện tích 21,2m^2, đây là ý chí tự nguyện của phía bị đơn nên được ghi nhận.

Từ những nhận định trên, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng đo đạc, định giá tài sản, trích lục hồ sơ là 7.020.000 đồng do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn C2 phải có nghĩa vụ liên đới chịu và đã nộp xong.

[4] Về án phí

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27, Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi nên được miễn nộp.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn C2 phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí sơ thẩm 200.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 0000881 ngày 14/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp cho ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Văn N1 là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015898 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N1;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 467 Bộ luật Dân sự năm 2005; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn C2 về tranh chấp hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị N1.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị N1 tự nguyện giao cho bà Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng phần đất thuộc một phần thửa 111, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại: Ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre cụ thể như sau: Phần lối đi vào nhà thuộc thửa 111-4a diện tích 16,3m^2, phần nhà tạm thuộc thửa 111-1 diện tích 12m^2, phần nhà gạch thuộc thửa 111-5 có diện tích 53,7m^2, phần hồ nước thuộc thửa 111-6 có diện tích 2,9m^2.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị N1 tự nguyện giao cho ông Nguyễn Văn C2 quản lý, sử dụng phần đất thuộc một phần thửa 111, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại: Ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre cụ thể như sau: Phần lối đi bêtông thuộc thửa 111-4b có diện tích 72,4m^2, phần lối đi vào nhà ông C2 thuộc thửa 111-4c có diện tích 14,0m^2, phần nhà gạch thuộc thửa 111-12 có diện tích 37,7m^2, phần nhà gạch thuộc thửa 111-13 có diện tích 21,2m^2.

(Có họa đồ hiện trạng thửa đất kèm theo)

Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C2 được quyền đăng ký, kê khai để được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được quyền sử dụng nêu trên.

Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N1 sang cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C2 đối với phần diện tích mà bà H, ông C2 được quản lý, sử dụng như trên.

Về chi phí tố tụng đo đạc, định giá tài sản, trích lục hồ sơ là 7.020.000 đồng (bảy triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn C2 phải có nghĩa vụ liên đới chịu và đã nộp xong.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi nên được miễn nộp.

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Văn C2 phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000881 ngày 14/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp cho ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Văn N1 là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015898 ngày 18/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Dũng